TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 180/2019/QĐST-VHNGĐ.	*Bình Thạnh, ngày 12 tháng 02 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2019/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 theo yêu cầu của bà BTTT và ông NNH;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 197 quyển số 01/2011 ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà BTTT và ông NNH;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của những người yêu cầu:

- Bà **BTTT**, sinh năm 1985.

Thường trú: PVT, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **NNH**, sinh năm 1984.

Thường trú: PVT, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Có 01 con chung tên NTBH, sinh ngày 21/7/2013. Bà BTTT và ông NNH thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục; Ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2019; hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2.2 Về tài sản chung và nợ chung: Bà BTTT và ông NNH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà BTTT và ông NNH cùng phải chịu, được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0020214 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà BTTT và ông NNH đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- UBND Phường X, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu VP;

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân